

CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 (Tuần 1 – 35)

TUẦN:	1	Từ 24/8 đến 28/8		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	1	TD: Có công mài sắt, có ngày nên kim	- Đọc đúng, rõ ràng toàn bài; biết nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, giữa các cụm từ.- Hiểu lời khuyên từ câu chuyện: Làm việc gì cũng phải kiên trì, nhẫn nại mới thành công (trả lời được các câu hỏi trong SGK).	Học sinh khá, giỏi hiểu ý nghĩa của câu tục ngữ Có công mài sắt, có ngày nên kim.
	2	KC: Có công mài sắt, có ngày nên kim	Dựa theo tranh và gợi ý dưới mỗi tranh kể lại được từng đoạn của câu chuyện.	Học sinh khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện.
	3	CT Nhìn - viết (tập chép): Có công mài sắt, có ngày nên kim	- Chép chính xác bài CT (SGK); trình bày đúng 2 câu văn xuôi. Không mắc quá 5 lỗi trong bài. - Làm được các bài tập 2, 3, 4.	Không.
	4	TD: Tự thuật	- Đọc đúng và rõ ràng toàn bài; biết nghỉ hơi sau các dấu câu, giữa các dòng, giữa phần yêu cầu và phần trả lời ở mỗi dòng. - Nắm được những thông tin chính về bạn học sinh trong bài. Bước đầu có khái niệm về một bản tự thuật (lí lịch) (trả lời được các câu hỏi trong SGK).	Không.
	5	LT&C: Từ và câu	- Bước đầu làm quen với các khái niệm từ và câu thông qua các bài tập thực hành. - Biết tìm các từ liên quan đến hoạt động học tập (BT1, BT2); viết được một câu nói về nội dung mỗi tranh (BT3).	Không.
	6	TV: Chữ hoa A	Viết đúng chữ hoa A (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Anh (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Anh em thuận hoà (3 lần). Chữ viết rõ ràng, tương đối đều nét, thẳng hàng, bước đầu biết nối nét giữa chữ viết hoa với chữ viết thường trong chữ ghi tiếng.	Ở tất cả các bài TV, học sinh khá, giỏi viết đúng và đủ các dòng (tập viết ở lớp) trên trang vở tập viết 2.

	7	CT Nghe - viết: Ngày hôm qua đâu rồi?	- Nghe - viết chính xác khổ thơ cuối bài Ngày hôm qua đâu rồi?; trình bày đúng hình thức bài thơ 5 chữ. - Làm được BT3, BT4; BT(2) a/b, hoặc bài tập chính tả phương ngữ do GV soạn.	GV nhắc HS đọc bài thơ Ngày hôm qua đâu rồi? (SGK) trước khi viết bài CT.
	8	TLV: Tự giới thiệu. Câu và bài	Biết nghe và trả lời đúng những câu hỏi về bản thân (BT1); nói lại một vài thông tin đã biết về một bạn (BT2).	HS khá giỏi bước đầu biết kể lại nội dung của 4 bức tranh (BT3) thành một câu chuyện ngắn.
	9	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	2	Từ 31/8 đến 08/9 (nghỉ lễ 2/9 và nghỉ bù ngày khai giảng 05/9)		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	10	TD: Phần thưởng	- Biết ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, giữa các cụm từ.- Hiểu nội dung: Câu chuyện đề cao lòng tốt và khuyến khích học sinh làm việc tốt (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4).	Học sinh khá, giỏi trả lời được câu hỏi 3.
	11	KC: Phần thưởng	Dựa vào tranh minh hoạ và gợi ý (SGK), kể lại được từng đoạn câu chuyện (BT1, 2, 3).	Học sinh khá, giỏi bước đầu kể lại được toàn bộ câu chuyện (BT4).
	12	CT tập chép: Phần thưởng	- Chép lại chính xác, trình bày đúng đoạn tóm tắt bài Phần thưởng (SGK). - Làm được BT3, BT4; BT(2) a/b, hoặc bài tập chính tả phương ngữ do GV soạn.	Không.
	13	TD: Làm việc thật là vui	- Biết ngắt nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, giữa các cụm từ. - Hiểu ý nghĩa: Mọi người, vật đều làm việc; làm việc mang lại niềm vui (trả lời được các câu hỏi trong SGK).	Không.

	14	LT&C: Từ ngữ về học tập. Đấu chấm hỏi.	- Tìm được các từ ngữ có tiếng học, có tiếng tập (BT1). - Đặt câu được với 1 từ tìm được (BT2); biết sắp xếp lại trật tự các từ trong câu để tạo câu mới (BT3); biết đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu hỏi (BT4).	Không.
	15	TV: Chữ hoa Ă, Â	Viết đúng 2 chữ hoa Ă, Â (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ - Ă hoặc Â), chữ và câu ứng dụng: Ăn (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Ăn chậm nhai kĩ (3 lần).	Không.
	16	CT Nghe - viết: Làm việc thật là vui	- Nghe - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi. - Biết thực hiện đúng yêu cầu của BT2; bước đầu biết sắp xếp tên người theo thứ tự bảng chữ cái (BT3).	Không.
	17	TLV: Chào hỏi. Tự giới thiệu	- Dựa vào gợi ý và tranh vẽ, thực hiện đúng nghi thức chào hỏi và tự giới thiệu về bản thân (BT1, BT2). - Viết được một bản tự thuật ngắn (BT3).	GV nhắc HS hỏi gia đình để nắm được một vài thông tin ở BT3 (ngày sinh, nơi sinh, quê quán).
	18	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	3	<i>Từ 09/9 đến 15/9</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	19	TĐ: Bạn của Nai Nhỏ	- Biết đọc liền mạch các từ, cụm từ trong câu; ngắt nghỉ hơi đúng và rõ ràng.- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Người bạn đáng tin cậy là người sẵn lòng cứu người, giúp người (trả lời được các câu hỏi trong SGK).	Không.
	20	KC: Bạn của Nai Nhỏ	- Dựa theo tranh và gợi ý dưới mỗi tranh, nhắc lại được lời kể của Nai Nhỏ về bạn mình (BT1); nhắc lại được lời của cha Nai Nhỏ sau mỗi lần nghe con kể về bạn (BT2). - Biết kể nối tiếp được từng đoạn của câu chuyện dựa theo tranh minh họa ở BT1.	HS khá, giỏi thực hiện được yêu cầu của BT3 (phân vai, dựng lại câu chuyện).

	21	CT Tập chép: Bạn của Nai nhỏ	- Chép lại chính xác, trình bày đúng đoạn tóm tắt bài Bạn của Nai Nhỏ (SGK). - Làm được BT2, BT(3) a/b, hoặc bài tập chính tả phương ngữ do GV soạn.	Không.
	22	TD: Gọi bạn	- Biết ngắt nhịp rõ ở từng câu thơ, nghỉ hơi sau mỗi khổ thơ. - Hiểu ND: Tình bạn cảm động giữa Bê Vàng và Dê Trắng (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc hai khổ thơ cuối bài).	Không.
	23	LT&C: Từ chỉ sự vật. Câu kiểu Ai là gì?	- Tìm đúng các từ chỉ sự vật theo tranh vẽ và bảng từ gợi ý (BT1, BT2). - Biết đặt câu theo mẫu Ai là gì? (BT3).	Không.
	24	TV: Chữ hoa B	Viết đúng chữ hoa B (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Bạn (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Bạn bè sum họp (3 lần).	Không.
	25	CT Nghe - viết: Gọi bạn	- Nghe - viết chính xác; trình bày đúng 2 khổ cuối bài thơ gọi bạn. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn	Không.
	26	TLV: Sắp xếp câu trong bài. Lập danh sách học sinh	- Sắp xếp đúng thứ tự các tranh; kể được nối tiếp từng đoạn câu chuyện Gọi bạn (BT1). - Xếp đúng thứ tự các câu trong truyện Kiến và Chim gáy (BT2); lập được danh sách từ 3 đến 5 HS theo mẫu (BT3).	GV nhắc HS đọc bài Danh sách HS tổ 1, lớp 2A trước khi làm BT3.
	27	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	4	Từ 16/9 đến 22/9		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	28	TD: Bím tóc đuôi sam	- Biết nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, giữa các cụm từ; bước đầu biết đọc rõ lời nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Không nên nghịch ác với bạn, cần đối xử tốt với các bạn gái (trả lời được các câu hỏi trong SGK).	Không.

29	KC: Bím tóc đuôi sam	- Dựa theo tranh kể lại được đoạn 1, đoạn 2 của câu chuyện (BT1); bước đầu kể lại được đoạn 3 bằng lời của mình (BT3) - Kể nối tiếp được từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết phân vai, dựng lại câu chuyện.
30	CT tập chép: Bím tóc đuôi sam	- Chép chính xác bài CT, biết trình bày đúng lời nhân vật trong bài. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn	Không.
31	TĐ: Trên chiếc bè	- Biết nghỉ hơi đúng sau các dấu chấm, dấu phẩy, giữa các cụm từ. - Hiểu ND: Tả chuyến du lịch thú vị trên sông của Đẻ Mèn và Đẻ Trũi (trả lời được câu hỏi 1, 2 trong SGK).	HS khá, giỏi trả lời được CH 3.
32	LT&C: Từ chỉ sự vật. Từ ngữ về ngày, tháng, năm	- Tìm được một số từ ngữ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối (BT1). - Biết đặt và trả lời câu hỏi về thời gian (BT2). - Bước đầu biết ngắt đoạn văn ngắn thành các câu trọn ý (BT3)	Không.
33	TV: Chữ hoa C	Viết đúng chữ hoa C (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Chia (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Chia ngọt sẻ bùi (3 lần).	Không.
34	CT Nghe - viết: Trên chiếc bè	- Nghe - viết chính xác; trình bày đúng bài CT. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn	Không.
35	TLV: Cảm ơn, xin lỗi	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp với tình huống giao tiếp đơn giản (BT1, BT2). - Nói được 2, 3 câu ngắn về nội dung bức tranh, trong đó có dùng lời cảm ơn, xin lỗi (BT3).	HS khá, giỏi làm được BT4 (viết lại những câu đã nói ở BT 3).
36	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>			

TUẦN:		5			Từ 23/9 đến 29/9	
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú		
HAI	37	TD: Chiếc bút mực	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng; bước đầu biết đọc rõ lời nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Cô giáo khen ngợi bạn Mai là cô bé chăm ngoan, biết giúp đỡ bạn (trả lời được các CH 2, 3, 4, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH 1.		
	38	KC: Chiếc bút mực	Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn câu chuyện Chiếc bút mực (BT1).	HS khá, giỏi bước đầu kể được toàn bộ câu chuyện (BT2).		
	39	CT tập chép:: Chiếc bút mực	- Chép chính xác, trình bày đúng bài CT (SGK). - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.		
	40	TD: Mục lục sách	- Đọc rành mạch văn bản có tính chất liệt kê. - Bước đầu biết dùng mục lục sách để tra cứu (trả lời được các CH 1, 2, 3, 4).	Không.		
	41	LT&C: Tên riêng. Câu kiểu Ai là gì?	- Phân biệt được các từ chỉ sự vật nói chung với tên riêng của từng sự vật và nắm được quy tắc viết hoa tên riêng Việt Nam (BT1); bước đầu biết viết hoa tên riêng Việt Nam (BT2). - Biết đặt câu theo mẫu Ai là gì? (BT3).	Không.		
	42	TV: Chữ hoa D	Viết đúng chữ hoa D (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Dân (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Dân giàu nước mạnh (3 lần).	Không.		
	43	CT Nghe - viết: Cái trống trường em	- Nghe - viết chính xác; trình bày đúng 2 khổ thơ đầu bài Cái trống trường em. - Làm được BT(2) a/b, hoặc BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	GV nhắc HS đọc bài thơ cái trống trường em (SGK) trước khi viết bài CT.		
	44	TLV: Trả lời câu hỏi. Đặt tên cho bài. Luyện tập về mục lục sách	- Dựa vào tranh vẽ, trả lời được câu hỏi rõ ràng, đúng ý (BT1); bước đầu biết tổ chức các câu thành bài và đặt tên cho bài (BT2). - Biết đọc mục lục một tuần học, ghi (hoặc nói) được tên các bài tập đọc trong tuần đó (BT3).	Không.		

	45	Không	Không.	Không.
Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.				
TUẦN:	6	Từ 30/9 đến 06/10		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	46	TĐ: Mẫu giấy vụn	- Biết nghỉ hơi đúng sau dấu chấm, dấu phẩy, giữa các cụm từ; bước đầu biết đọc rõ lời nhân vật trong bài.- Hiểu ý nghĩa: Phải giữ gìn trường lớp luôn sạch đẹp (trả lời CH 1, 2, 3).	HS khá, giỏi trả lời CH4.
	47	KC: Mẫu giấy vụn	Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn câu chuyện Mẫu giấy vụn.	HS khá, giỏi biết phân vai, dựng lại câu chuyện (BT2)
	48	CT Tập chép: Mẫu giấy vụn	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng lời nhân vật trong bài. - Làm được BT2 (2 trong số 3 dòng a, b, c); BT (3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV biên soạn.	Không.
	49	TĐ: Ngôi trường mới	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu; bước đầu biết đọc bài văn với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi. - Hiểu ND: Ngôi trường mới rất đẹp, các bạn HS tự hào về ngôi trường và yêu quý thầy cô, bạn bè (trả lời được CH 1, 2).	HS khá, giỏi trả lời được CH3.
	50	LT&C: Câu kiểu Ai là gì? Khẳng định, phủ định. Từ ngữ về đồ dùng học tập	- Biết đặt câu hỏi cho các bộ phận câu đã xác định (BT1); đặt được câu phủ định theo mẫu (BT2). - Tìm được một số từ ngữ chỉ đồ dùng học tập ẩn trong tranh và cho biết đồ vật ấy dùng để làm gì (BT3).	GV không giảng giải về thuật ngữ khẳng định, phủ định (chỉ cho HS làm quen qua BT thực hành).
	51	TV: Chữ hoa Đ	Viết đúng chữ hoa Đ (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Đẹp (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Đẹp trường đẹp lớp (3 lần).	Không.

	52	CT Nghe - viết: Ngôi trường mới	- Nghe - viết chính xác; trình bày đúng bài CT. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	53	TLV: Khẳng định, phủ định. Luyện tập về mục lục sách	- Biết trả lời và đặt câu theo mẫu khẳng định, phủ định (BT1, BT2). - Biết đọc và ghi lại được thông tin từ mục lục sách (BT3).	Thực hiện BT3 như ở SGK, hoặc thay bằng yêu cầu: Đọc mục lục các bài ở tuần 7, ghi lại tên 2 bài tập đọc và số trang.
	54	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	7	Từ 07/10 đến 13/10		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	55	TD: Người thầy cũ	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu; biết đọc rõ lời các nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Người thầy thật đáng kính trọng, tình cảm thầy trò thật đẹp đẽ (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
	56	KC: Người thầy cũ	- Xác định được 3 nhân vật trong câu chuyện (BT1). - Kể nối tiếp được từng đoạn của câu chuyện (BT2).	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện; phân vai dựng lại đoạn 2 của câu chuyện (BT3).
	57	CT Tập chép: Người thầy cũ	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi. - Làm được BT2 (2 trong số 3 dòng a, b, c); BT (3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV biên soạn.	Không.
	58	TD: Thời khoá biểu	- Đọc rõ ràng, dứt khoát thời khoá biểu; biết nghỉ hơi sau từng cột, từng dòng. - Hiểu được tác dụng của thời khoá biểu (trả lời được các CH 1, 2, 4).	HS khá, giỏi thực hiện được CH 3.

	59	LT&C: Từ ngữ về môn học. Từ chỉ hoạt động.	- Tìm được một số từ ngữ về các môn học và hoạt động của người (BT1, BT2); kể được nội dung mỗi tranh (SGK) bằng 1 câu (BT3). - Chọn được từ chỉ hoạt động thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu (BT4).	Không.
	60	TV: Chữ hoa E, Ê	Viết đúng 2 chữ hoa E, Ê (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ-E hoặc Ê), chữ và câu ứng dụng: Em (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Em yêu trường em (3 lần).	Không.
	61	CT Nghe - viết: Cô giáo lớp em	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng 2 khổ thơ đầu của bài Cô giáo lớp em. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Gv nhắc HS đọc bài thơ Cô giáo lớp em (SGK) trước khi viết bài CT.
	62	TLV: Kể ngắn theo tranh. Luyện tập về thời khoá biểu	- Dựa vào 4 tranh minh hoạ, kể được câu chuyện ngắn có tên Bút của cô giáo (BT1). - Dựa vào thời khoá biểu hôm sau của lớp để trả lời được các CH ở BT3.	GV nhắc HS chuẩn bị TKB của lớp để thực hiện yêu cầu của BT3.
	63	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	8	Từ 14/10 đến 20/10		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	64	TD: Người mẹ hiền	- Biết ngắt, nghỉ hơi đúng; bước đầu đọc rõ lời các nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Cô giáo như mẹ hiền, vừa yêu thương vừa nghiêm khắc dạy bảo các em HS nên người (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
	65	KC: Người mẹ hiền	Dựa theo tranh minh hoạ, kể lại được từng đoạn của câu chuyện Người mẹ hiền.	HS khá, giỏi biết phân vai dựng lại câu chuyện (BT2).
	66	CT Tập chép: Người mẹ hiền	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng lời nói nhân vật trong bài. - Làm được BT2; BT (3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV biên soạn.	Không.

67	TD: Bàn tay dịu dàng	- Ngắt, nghỉ hơi đúng chỗ; bước đầu biết đọc lời nhân vật phù hợp với nội dung. - Hiểu ND: Thái độ ân cần của thầy giáo đã giúp An vượt qua nỗi buồn mất bà và động viên bạn học tập tốt hơn, không phụ lòng tin yêu của mọi người (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
68	LT&C: Từ chỉ hoạt động, trạng thái. Dấu phẩy.	- Nhận biết và bước đầu biết dùng một số từ chỉ hoạt động, trạng thái của loài vật và sự vật trong câu (BT1, BT2) - Biết đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong câu (BT3).	Không.
69	TV: Chữ hoa G	Viết đúng chữ hoa G (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Góp (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Góp sức chung tay (3 lần).	Không.
70	CT Nghe-viết: Bàn tay dịu dàng	- Nghe - viết chính xác; trình bày đúng bài CT. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn	Không.
71	TLV: Mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị. Kể ngắn theo câu hỏi.	- Biết nói lời mời, yêu cầu, đề nghị phù hợp với tình huống giao tiếp đơn giản (BT1). - Trả lời được câu hỏi về thầy giáo/cô giáo lớp 1 của em (BT2); viết được khoảng 4, 5 câu nói về cô giáo/thầy giáo lớp 1 (BT3).	Không.
72	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>			

TUẦN:	9	<i>Từ 21/10 đến 27/10</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú

HAI	73	Ôn tập và kiểm tra giữa HK I- Tiết 1	- Đọc đúng, rõ ràng các đoạn (bài) tập đọc đã học trong 8 tuần đầu (phát âm rõ, tốc độ đọc khoảng 35 tiếng/phút).- Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; trả lời được câu hỏi về nội dung bài tập đọc. Thuộc khoảng 2 đoạn (hoặc bài) thơ đã học.- Bước đầu thuộc bảng chữ cái (BT2). Nhận biết và tìm được một số từ chỉ sự vật (BT3, BT4).	HS khá, giỏi đọc tương đối rành mạch đoạn văn, đoạn thơ (tốc độ đọc trên 35 tiếng/phút).
	74	Tiết 2	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như tiết 1. - Biết đặt câu theo mẫu Ai là gì? (BT2); biết xếp tên riêng người theo thứ tự bảng chữ cái (BT3).	Không.
	75	Tiết 3	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như tiết 1. - Biết tìm từ chỉ hoạt động của vật, của người và đặt câu nói về sự vật (BT2, BT3).	Không.
	76	Tiết 4	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như tiết 1. - Nghe-viết chính xác, trình bày đúng bài CT Cáo voi (BT2); tốc độ viết khoảng 35 chữ/15 phút.	HS khá, giỏi viết đúng, rõ ràng bài CT (tốc độ trên 35 chữ/15 phút).
	77	Tiết 5	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như tiết 1. - Trả lời được câu hỏi về nội dung tranh (BT2).	Không.
	78	Tiết 6	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như tiết 1. - Biết cách nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp tình huống cụ thể (BT2); đặt được dấu chấm hay dấu phẩy vào chỗ trống thích hợp trong mẫu chuyện (BT3).	Không.
	79	Tiết 7	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như tiết 1. - Biết cách tra mục lục sách (BT2); nói đúng lời mời, nhờ, đề nghị theo tình huống cụ thể (BT3).	Không.
	80	Tiết 8 (Kiểm tra)	Kiểm tra (Đọc) theo mức độ cần đạt về chuẩn kiến thức, kĩ năng giữa HK I (nêu ở Tiết 1. Ôn tập)	Không.

	81	Tiết 9 (Kiểm tra)	Kiểm tra (Viết) theo mức độ cần đạt về chuẩn kiến thức, kĩ năng giữa HK I : - Nghe-viết chính xác bài CT (tốc độ viết khoảng 35 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày sạch sẽ, đúng hình thức thơ (hoặc văn xuôi). - Viết được một đoạn kể ngắn (từ 3 đến 5 câu) theo câu hỏi gợi ý nói về chủ điểm nhà trường.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	10	Từ 28/10 đến 03/11		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	82	TĐ: Sáng kiến của bé Hà	- Ngắt nhịp, nghỉ hơi hợp lí sau các dấu câu, giữa các cụm từ rõ ý; bước đầu biết đọc phân biệt lời kể và lời nhân vật.- Hiểu ND: Sáng kiến của Bé Hà tổ chức ngày lễ của ông bà thể hiện tấm lòng kính yêu, sự quan tâm tới ông bà (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
	83	KC: Sáng kiến của bé Hà	Dựa vào các ý cho trước, kể lại được từng đoạn câu chuyện sáng kiến của Bé Hà.	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT2).
	84	CT Tập chép: Ngày lễ	- Chép chính xác, trình bày đúng bài CT Ngày lễ. - Làm đúng BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	85	TĐ: Bưu thiếp	- Biết nghỉ hơi sau các dấu câu, giữa các cụm từ. - Hiểu tác dụng của bưu thiếp, cách viết bưu thiếp, phong bì thư (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
	86	LT&C: Từ ngữ về họ hàng. Dấu chấm, dấu chấm hỏi.	- Tìm được một số từ ngữ chỉ người trong gia đình, họ hàng (BT1, BT2); xếp đúng từ chỉ người trong gia đình, họ hàng mà em biết vào 2 nhóm họ nội, họ ngoại (BT3).	Không.
	87	TV: Chữ hoa H	Viết đúng chữ hoa H (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Hai (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Hai sương một nắng (3 lần).	Không.

	88	CT Nghe-viết: Ông và cháu	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng 2 khổ thơ. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn	Không.
	89	TLV: Kể về người thân	- Biết kể về ông bà hoặc người thân, dựa theo câu hỏi gợi ý (BT1). - Viết được đoạn văn ngắn từ 3-5 câu về ông bà hoặc người thân (BT2).	Không.
	90	Không	Không.	Không.
	<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>			
TUẦN:	11	<i>Từ 04/11 đến 10/11</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	91	TĐ: Bà cháu	- Biết nghỉ hơi sau các dấu câu, bước đầu biết đọc bài văn với giọng kể nhẹ nhàng.- Hiểu ND: Ca ngợi tình cảm bà cháu quý hơn vàng bạc, châu báu (trả lời được các CH 1, 2, 3, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH4.
	92	KC: Bà cháu	Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn câu chuyện Bà cháu.	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT2).
	93	CT Tập chép: Ba cháu	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn trích trong bài Bà cháu. - Làm đúng BT2; BT3, BT (4) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	94	TĐ: Cây xoài của ông em	- Biết nghỉ hơi sau các dấu câu, bước đầu biết đọc bài văn với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi. - Hiểu ND: Tả cây xoài ông trồng và tình cảm thương nhớ ông của 2 mẹ con bạn nhỏ (trả lời được các CH 1, 2, 3).	HS khá, giỏi trả lời được CH4.

	95	LT&C: Từ ngữ về đồ dùng và công việc trong nhà.	Nêu được một số từ ngữ chỉ đồ vật và tác dụng của đồ vật vẽ ẩn trong tranh (BT1); tìm được từ ngữ chỉ công việc đơn giản trong nhà có trong bài thơ Thổ thể	Không.
	96	TV: Chữ hoa I	Viết đúng chữ hoa I (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Ích (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Ích nước lợi nhà (3 lần).	Không.
	97	CT Nghe-viết: Cây xoài của em	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	98	TLV: Chia buồn, an ủi	- Biết nói lời chia buồn, an ủi đơn giản với ông, bà trong những tình huống cụ thể (BT1, BT2). - Viết được một bức bưu thiếp ngắn thăm hỏi ông bà khi em biết tin quê nhà bị bão (BT3).	Không.
	99	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	12	Từ 11/11 đến 17/11		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	100	TD: Sự tích cây vú sữa	- Biết ngắt, nghỉ hơi đúng ở câu có nhiều dấu phẩy.- Hiểu ND: Tình cảm yêu thương sâu nặng của mẹ dành cho con (trả lời được các CH 1, 2, 3, 4).	HS khá, giải trả lời được CH5.
	101	KC: Sự tích cây vú sữa	Dựa vào gợi ý kể lại được từng đoạn của câu chuyện Sự tích cây vú sữa.	HS khá, giải nêu được kết thúc câu chuyện theo ý riêng.

	102	CT Nghe-viết: Sự tích cây vú sữa	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	103	TD: Mẹ	- Biết ngắt nhịp đúng câu thơ lục bát (2/4 và 4/4; riêng dòng 7, 8 ngắt 3/3 và 3/5). - Cảm nhận được nỗi vất vả và tình thương bao la của mẹ dành cho con (trả lời được các CH trong SGK; thuộc 6 dòng thơ cuối).	Không.
	104	LT&C: Từ ngữ về tình cảm. Dấu phẩy.	- Biết ghép tiếng theo mẫu để tạo các từ chỉ tình cảm gia đình, biết dùng một số từ tìm được để điền vào chỗ trống trong câu (BT1, BT2); nói được 2, 3 câu về hoạt động của mẹ và con được vẽ trong tranh (BT3). - Biết đặt dấu phẩy vào chỗ hợp lí trong câu (BT4-chọn 2 trong số 3 câu).	Không.
	105	TV: Chữ hoa K	Viết đúng chữ hoa K (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Kề (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Kề vai sát cánh (3 lần).	Không.
	106	CT Tập chép: Mẹ	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng các dòng thơ lục bát. - Làm đúng BT2; BT(3) a/b, hoặc BT chính tả phương ngữ do GV soạn.	Không.
	107	TLV: Gọi điện	- Đọc hiểu bài Gọi điện, biết một số thao tác gọi điện thoại; trả lời được các câu hỏi về thứ tự các việc cần làm khi gọi điện thoại, cách giao tiếp qua điện thoại (BT1). - Viết được 3, 4 câu trao đổi qua điện thoại theo 1 trong 2 nội dung nêu ở BT(2).	HS khá, giỏi làm được cả 2 nội dung ở BT(2).
	108	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	13	Từ 18/11 đến 24/11		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú

HAI	109	TD: Bông hoa Niềm vui	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng; đọc rõ lời nhân vật trong bài.- Cảm nhận được tâm lòng hiếu thảo với cha mẹ của bạn HS trong câu chuyện (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
	110	KC: Bông hoa Niềm vui	- Biết kể đoạn mở đầu câu chuyện theo 2 cách: theo trình tự và thay đổi trình tự câu chuyện (BT1). - Dựa theo tranh, kể lại được nội dung đoạn 2, 3 (BT2); kể được đoạn cuối của câu chuyện (BT3).	Không.
	111	CT Tập chép: Bông hoa Niềm vui	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn lời nói của nhân vật. - Làm đúng BT2; BT(3) a/b, hoặc BT chính tả phương ngữ do GV soạn.	Không.
	112	TD: Quà của bố	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng ở những câu văn có nhiều dấu câu. - Hiểu ND: Tình cảm yêu thương của người bố qua những món quà đơn sơ dành cho con (trả lời các CH trong SGK).	Không.
	113	LT&C: Từ ngữ về công việc gia đình. Câu kiểu Ai làm gì?	- Nêu được một số từ ngữ chỉ công việc gia đình (BT1). - Tìm được các bộ phận câu trả lời cho từng câu hỏi Ai?, Làm gì? (BT2); biết chọn các từ cho sẵn để sắp xếp thành câu kiểu Ai là gì? (BT3).	HS khá, giỏi sắp xếp được trên 3 câu theo yêu cầu của BT3.
	114	TV: Chữ hoa L	Viết đúng chữ hoa L (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: Lá (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Lá lành đùm lá rách (3 lần).	Không.
	115	CT Nghe-viết: Quà của bố	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi có nhiều dấu câu. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	116	TLV: Kể về gia đình	- Biết kể về gia đình của mình theo gợi ý cho trước (BT1). - Viết được một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) theo nội dung BT1.	Không.

	117	Không	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	14	Từ 25/11 đến 01/12		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	118	TĐ: Câu chuyện bó đũa	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; biết đọc rõ lời nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh. Anh chị em phải đoàn kết, thương yêu nhau (trả lời được các CH 1, 2, 3, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH 4
	119	KC: Câu chuyện bó đũa	Dựa theo tranh và gợi ý dưới mỗi tranh, kể lại được từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết phân vai, dựng lại câu chuyện (BT2).
	120	CT Nghe-viết: Câu chuyện bó đũa	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi có lời nói nhân vật. - Làm được BT(2) a/b/c hoặc BT(3) a/b/c hoặc BT do GV soạn.	Không.
	121	TĐ: Nhắn tin	- Đọc rành mạch 2 mẫu tin nhắn; biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ. - Nắm được cách viết tin nhắn (ngắn gọn, đủ ý). Trả lời được các CH trong SGK.	Không.
	122	LT&C: Từ ngữ về tình cảm gia đình. Câu kiểu Ai là gì? Dấu chấm, dấu chấm hỏi	- Nêu được một số từ ngữ về tình cảm gia đình (BT1). - Biết sắp xếp các từ đã cho thành câu theo mẫu Ai làm gì? (BT2); điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi vào đoạn văn có ô trống (BT3).	Không.
	123	TV: Chữ hoa M	Viết đúng chữ hoa M (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Miệng (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Miệng nói tay làm (3 lần).	Không.

	124	CT Tập chép: Tiếng vông kêu	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng 2 khổ thơ đầu của bài Tiếng vông kêu. - Làm đúng BT(2) a/b/c hoặc BT chính tả phương ngữ do GV soạn.	GV nhắc HS đọc bài thơ Tiếng vông kêu (SGK) trước khi viết bài CT.
	125	TLV: QST trả lời CH. Viết tin nhắn.	- Biết quan sát tranh và trả lời đúng câu hỏi về nội dung tranh (BT1). - Viết được một mẫu tin nhắn ngắn gọn, đủ ý (BT2).	Không.
	126	Không	Không.	Không.
	<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>			
TUẦN:	15	<i>Từ 02/12 đến 08/12</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	127	TĐ: Hai anh em	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; bước đầu biết đọc rõ lời diễn tả ý nghĩ của nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Sự quan tâm, lo lắng cho nhau, nhường nhịn nhau của hai anh em (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
	128	KC: Hai anh em	Kể lại được từng phần câu chuyện theo gợi ý (BT1); nói lại được ý nghĩ của hai anh em khi gặp nhau trên đồng (BT2).	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT3).
	129	CT Tập chép: Hai anh em	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn có lời diễn tả ý nghĩ nhân vật trong ngoặc kép. - Làm đúng BT(2); BT(3) a/b hoặc BT do GV soạn.	Không.
	130	TĐ: Bé Hoa	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu; đọc rõ thư của bé Hoa trong bài. - Hiểu ND: Hoa rất yêu thương em, biết chăm sóc em và giúp đỡ bố mẹ (trả lời được các CH trong SGK).	Không.

	131	LT&C: Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào?	- Nêu được một số từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất của người, vật, sự vật (thực hiện 3 trong số 4 mục của BT1, toàn bộ BT2). - Biết chọn từ thích hợp để đặt thành câu theo mẫu kiểu câu Ai thế nào? (thực hiện 3 trong số 4 mục ở BT3).	Không.
	132	TV: Chữ hoa N	Viết đúng chữ hoa N (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Nghĩ (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Nghĩ trước nghĩ sau (3 lần).	Không.
	133	CT Nghe-viết: Bé Hoa	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi. - Làm được BT(3) a/b hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	134	TLV: Chia vui. Kể về anh chị em	- Biết nói lời chia vui (chúc mừng) hợp tình huống giao tiếp (BT1, BT2). - Viết được đoạn văn ngắn kể về anh, chị, em (BT3).	Không.
	135	Không	Không	Không
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	16	Từ 09/12 đến 15/12		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	136	TĐ: Con chó nhà hàng xóm	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; bước đầu biết đọc rõ lời nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Sự gắn gũi đáng yêu của con vật nuôi đối với đời sống tình cảm của bạn nhỏ (làm được các BT trong SGK).	Không
	137	KC: Con chó nhà hàng xóm	- Dựa theo tranh, kể lại được đủ ý từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện.
	138	CT Tập chép: Con chó nhà hàng xóm	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng bài văn xuôi. - Làm đúng BT(2); BT(3) a/b, hoặc BT chính tả phương ngữ do GV soạn.	Không.

139	TD: thời gian biểu	- Biết đọc chậm, rõ ràng các số chỉ giờ; ngắt nghỉ hơi đúng sau dấu câu, giữa cột, dòng. - Hiểu được tác dụng của thời gian biểu (trả lời được CH 1, 2)	HS khá , giỏi trả lời được CH3).
140	LT&C: Từ về vật nuôi. Câu kiểu Ai thế nào?	- Bước đầu tìm được từ trái nghĩa với từ cho trước (BT1); biết đặt câu với mỗi từ trong cặp từ trái nghĩa tìm được theo mẫu Ai thế nào? (BT2). - Nêu đúng tên các con vật được vẽ trong tranh (BT3).	Không.
141	TV: Chữ hoa O	Viết đúng chữ hoa O (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Ong (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Ong bay bướm lượn (3 lần).	Không.
142	CT Nghe-viết: Trâu ơi	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng bài ca dao thuộc thể thơ lục bát. - Làm được BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
143	TLV: Khen ngợi. Kể ngắn về con vật. Lập thời gian biểu	- Dựa vào câu và mẫu cho trước, nói được câu tỏ ý khen (BT1) - Kể được một vài câu về một con vật nuôi quen thuộc trong nhà (BT2). Biết lập thời gian biểu (nói hoặc viết) một buổi tối trong ngày (BT3).	Không
144	Không	Không	Không
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tôi đã có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>			

CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 (Tuần 17 – 35)

TUẦN:	17	<i>Từ 16/12 đến 22/12</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú

HAI	145	TD: Tim ngọc	- Biết ngắt, nghỉ hơi đúng sau các dấu câu; biết đọc với giọng kể chậm rãi.- Hiểu nội dung: Câu chuyện kể về những con vật nuôi trong nhà rất tinh nghĩa, thông minh, thực sự là bạn của con người (trả lời được CH 1, 2, 3).	HS khá, giỏi trả lời được CH 4.
	146	KC: Tim ngọc	Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết kể lại được toàn bộ câu chuyện (BT2).
	147	CT Nghe-viết: Tim ngọc	- Nghe - viết chính xác bài CT, trình bày đúng bài tóm tắt câu chuyện Tim ngọc. - Làm đúng BT2; BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	148	TD: Gà "tí tê" với gà	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu. - Hiểu ND: Loài gà cũng có tình cảm với nhau: che chở, bảo vệ, yêu thương nhau như con người (trả lời được các CH trong SGK)	Không
	149	LT&C: Từ ngữ về vật nuôi. Câu kiểu Ai thế nào?	Nêu được các từ ngữ chỉ đặc điểm của loài vật vẽ trong tranh (BT1); bước đầu thêm được hình ảnh so sánh vào sau từ cho trước và nói câu có hình ảnh so sánh (BT2, BT3).	Không
	150	TV: Chữ hoa Ô, Ơ	Viết đúng 2 chữ hoa Ô, Ơ (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ-Ô hoặc O); chữ và câu ứng dụng: Ôn (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Ôn sâu nghĩa nặng (3 lần).	Không
	151	CT Tập chép: Gà "tí tê" với gà	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn có nhiều dấu câu. - Làm được BT 2 hoặc BT (3) a/b.	Không
	152	TLV: Ngạc nhiên, thích thú. Lập thời gian biểu.	- Biết nói lời thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú phù hợp với tình huống giao tiếp (BT1, BT2). - Dựa vào mẫu chuyện, lập được thời gian biểu theo cách đã học (BT3).	Không
	153	Không	Không	Không

<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	18	<i>Từ 23/12 đến 29/12</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	154	Ôn tập và kiểm tra cuối HK1 Tiết 1	- Đọc rõ ràng, trôi chảy bài TĐ đã học ở HK1 (phát âm rõ ràng, biết ngừng nghỉ sau các dấu câu, giữa các cụm từ; tốc độ đọc khoảng 40 tiếng/phút); hiểu ý chính của đoạn, nội dung của bài; trả lời được câu hỏi về ý đoạn đã đọc. Thuộc 2 đoạn thơ đã học.- Tìm đúng từ chỉ sự vật trong câu (BT2); biết viết bản tự thuật theo mẫu đã học (BT3).	HS khá, giỏi đọc tương đối rành mạch đoạn văn, đoạn thơ (tốc độ đọc trên 40 tiếng/phút).
	155	Tiết 2	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như Tiết 1. - Biết đặt câu tự giới thiệu mình với người khác (BT2). - Bước đầu biết dùng dấu chấm để tách đoạn văn thành 5 câu và viết lại cho đúng CT (BT3).	Không
	156	Tiết 3	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như Tiết 1. - Biết thực hành sử dụng mục lục sách (BT2). - Nghe-viết chính xác, trình bày đúng bài CT; tốc độ viết khoảng 40 chữ/15 phút.	Không
	157	Tiết 4	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như Tiết 1. - Nhận biết được từ chỉ hoạt động và dấu câu đã học (BT2). - Biết cách nói lời an ủi và cách hỏi để người khác tự giới thiệu về mình (BT4).	Không
	158	Tiết 5	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như Tiết 1. - Tìm được từ chỉ hoạt động theo tranh vẽ và đặt câu hỏi với từ đó (BT2). - Biết nói lời mời, nhờ, đề nghị phù hợp với tình huống cụ thể (BT3).	Không
	159	Tiết 6	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như Tiết 1. - Dựa vào tranh để kể lại câu chuyện ngắn khoảng 5 câu và đặt được tên cho câu chuyện (BT2); viết được tin nhắn theo tình huống cụ thể (BT3).	Không
	160	Tiết 7	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như Tiết 1. - Tìm được từ chỉ đặc điểm trong câu (BT2). - Viết được một bưu thiếp chúc mừng thầy cô giáo (BT3).	Không

	161	Tiết 8 (Kiểm tra)	Kiểm tra (Đọc) theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 2, HKI (Bộ Giáo dục và Đào tạo-Đề kiểm tra học kì cấp Tiểu học, Lớp 2, NXB Giáo dục, 2008).	Không
	162	Tiết 9 (Kiểm tra)	Kiểm tra (Viết) theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 2, HKI (Bộ Giáo dục và Đào tạo-Đề kiểm tra học kì cấp Tiểu học, Lớp 2, NXB Giáo dục, 2008).	Không
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	19	<i>Từ 11/01 đến 15/01</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	163	TĐ: Chuyện bốn mùa	- Đọc rành mạch toàn bài; biết ngắt, nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.- Hiểu ý nghĩa: Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, mỗi mùa mỗi vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống (trả lời được CH 1, 2, 4).	HS khá, giải trả lời được CH 3.
	164	KC: Chuyện bốn mùa	Dựa theo tranh và gợi ý dưới mỗi tranh, kể lại được đoạn 1 (BT1); biết kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện (BT2).	HS khá, giải thực hiện được CH 3.
	165	CT Tập chép: Chuyện bốn mùa	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi. - Làm được BT (2) a/b, hoặc BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không
	166	TĐ: Thư trung thu	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng các câu văn trong bài, đọc ngắt nhịp các câu thơ hợp lí. - Hiểu ND: Tình yêu thương của Bác Hồ dành cho thiếu nhi Việt Nam (trả lời được các CH và học thuộc đoạn thơ trong bài).	Không
	167	LT&C: Từ ngữ về các mùa. Đặt và trả lời câu hỏi Khi nào?	- Biết gọi tên các tháng trong năm (BT1). Xếp được các ý theo lời bà Đất trong Chuyện bốn mùa phù hợp với từng mùa trong năm (BT2). - Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ Khi nào (BT3).	HS khá, giải làm được hết các BT.

	168	TV Chữ hoa P	Viết đúng chữ hoa P (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Phong (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), phong cảnh hấp dẫn (3 lần).	Không
	169	CT Nghe-viết: Thư trung thu	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức bài thơ 5 chữ. - Làm được BT (2) a/b, hoặc BT (3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không
	170	TLV: Đáp lời chào, lời tự giới thiệu	- Biết nghe và đáp lại lời chào, lời tự giới thiệu phù hợp với tình huống giao tiếp đơn giản (BT1, BT2). - Điền đúng lời đáp vào ô trống trong đoạn đối thoại (BT3).	Không
	171	Không	Không	Không
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	20	Từ 18/01 đến 22/01		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	172	TD: Ông Mạnh thắng Thần Gió	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; đọc rõ lời nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Con người chiến thắng Thần Gió, tức là chiến thắng thiên nhiên-nhờ vào quyết tâm và lao động, nhưng cũng biết sống thân ái, hoà thuận với thiên nhiên (trả lời được CH 1, 2, 3, 4).	HS khá, giỏi trả lời được CH 5.
	173	KC: Ông Mạnh thắng Thần Gió	- Biết xếp lại các tranh theo đúng trình tự nội dung câu chuyện (BT1). - Kể được từng đoạn câu chuyện theo tranh đã sắp xếp đúng trình tự	HS khá, giỏi biết kể lại được toàn bộ câu chuyện (BT2); đặt được tên khác cho câu chuyện (BT3).
	174	CT Nghe-viết: Gió	-Nghe viết chính xác bài CT; biết trình bày đúng hình thức bài thơ 7 chữ. - Làm được BT(2) a/b, hoặc BT(3) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không

	175	TĐ: Mùa xuân đến	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu; đọc rành mạch được bài văn. - Hiểu ND: Bài văn ca ngợi vẻ đẹp mùa xuân (trả lời được CH 1, 2; CH 3-mục a hoặc b).	HS khá, giỏi trả lời được đầy đủ CH 3.
	176	LT&C: Từ ngữ về thời tiết. Đặt và trả lời câu hỏi Khi nào? Dấu chấm, dấu chấm than	- Nhận biết được một số từ ngữ chỉ thời tiết 4 mùa (BT1). - Biết dùng các cụm từ bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ thay cho cụm từ khi nào để hỏi về thời điểm (BT2); điền đúng dấu câu vào đoạn văn (BT3).	Không
	177	TV: Chữ hoa Q	Viết đúng chữ hoa Q (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Quê (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), quê hương tươi đẹp (3 lần).	Không
	178	CT Nghe-viết: Mưa bóng mây	- Nghe viết chính xác bài CT; biết trình bày đúng hình thức bài thơ 5 chữ và các dấu câu trong bài. - Làm được BT(2) a/b, hoặc BTCT phương ngữ do GV soạn.	Không
	179	TLV: Tả ngắn về bốn mùa	- Đọc và trả lời đúng câu hỏi về nội dung bài văn ngắn (BT1). - Dựa vào gợi ý, viết được đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) về mùa hè (BT2).	Không
	180	Không	Không	Không
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	21	Từ 25/01 đến 29/01		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	181	TĐ: Chim sơn ca và bông cúc trắng	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; đọc rành mạch được toàn bài.- Hiểu lời khuyên từ câu chuyện: Hãy để cho chim được tự do ca hát, bay lượn; để cho hoa được tự do tắm nắng mặt trời (trả lời được CH 1, 2, 4, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH 3.

182	KC: Chim sơn ca và bông cúc trắng	Dựa theo gợi ý, kể lại được từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết kể lại được toàn bộ câu chuyện (BT2).
183	CT Tập chép: Chim sơn ca và bông cúc trắng	- Chép chính xác bài chính tả, trình bày đúng đoạn văn xuôi có lời nói của nhân vật. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	HS khá, giỏi giải được câu đố ở BT (3) a/b.
184	TD: Về chim	- Biết ngắt, nghỉ đúng nhịp khi đọc các dòng trong bài vè. - Hiểu ND: Một số loài chim cũng có đặc điểm, tính nết giống như con người (trả lời được CH1, CH3; học thuộc được 1 đoạn trong bài vè).	HS khá, giỏi thuộc được bài vè; thực hiện được yêu cầu của CH2.
185	LT&C: Từ ngữ về chim chóc. Đặt và trả lời câu hỏi Ở đâu?	- Xếp được tên một số loài chim theo nhóm thích hợp (BT1). - Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ ở đâu (BT2, BT3).	Không.
186	TV: Chữ hoa R	Viết đúng chữ hoa R (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Ríu (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Ríu rít chim ca (3 lần).	Không.
187	CT Nghe-viết: Sân chim	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức bài văn xuôi. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT(3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
188	TLV: Đáp lời cảm ơn. Tả ngắn về loài chim	- Biết đáp lại lời cảm ơn trong tình huống giao tiếp đơn giản (BT 1, BT 2). - Thực hiện được yêu cầu của BT 3 (tìm câu văn miêu tả trong bài, viết 2, 3 câu về một loài chim).	Không.
189	Không	Không	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>			
TUẦN:	22	Từ 01/02 đến 05/02	

LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	190	TĐ: Một trí khôn hơn trăm trí khôn	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; đọc rõ lời nhân vật trong câu chuyện.- Hiểu bài học rút ra từ câu chuyện: Khó khăn, hoạn nạn thử thách trí thông minh của mỗi người; chớ kiêu căng, xem thường người khác (trả lời được CH1, 2, 3, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH4.
	191	KC: Một trí khôn hơn trăm trí khôn	- Biết đặt tên cho từng đoạn truyện (BT1). - Kể lại được từng đoạn của câu chuyện (BT2).	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT3).
	192	CT Nghe-viết: Một trí khôn hơn trăm trí khôn	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi có lời của nhân vật. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	193	TĐ: Cò và cuốc	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; đọc rành mạch toàn bài. - Hiểu ND: Phải lao động vất vả mới có lúc thanh nhàn, sung sướng (trả lời được các câu hỏi trong SGK).	Không.
	194	LT&C: Từ ngữ về loài chim. Dấu chấm, dấu phẩy	- Nhận biết đúng tên một số loài chim vẽ trong tranh (BT1); điền đúng tên loài chim đã cho vào chỗ trống trong thành ngữ (BT2). - Đặt đúng dấu phẩy, dấu chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn (BT3).	Không.
	195	TV: Chữ hoa S	Viết đúng chữ hoa S (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Sáo (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Sáo tắm thì mưa (3 lần).	Không.
	196	CT Nghe-viết: Cò và cuốc	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi có lời của nhân vật. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	197	TLV: Đáp lời xin lỗi. Tả ngắn về loài chim	- Biết đáp lời xin lỗi trong tình huống giao tiếp đơn giản (BT 1, BT 2). - Tập sắp xếp các câu đã cho thành đoạn văn hợp lí (BT 3).	Không.

	198	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	23	Từ 08/02 đến 19/02 (nghỉ Tết âm lịch: 1 tuần)		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	199	TD: Bác sĩ Sói	- Đọc trôi chảy từng đoạn, toàn bài. Nghỉ hơi đúng chỗ.- Hiểu ND: Sói gian ngoan bày mưu lừa Ngựa để ăn thịt, không ngờ bị Ngựa thông minh dùng mẹo trị lại (trả lời được CH1, 2, 3, 5).	HS khá, giỏi biết tả lại cảnh Sói bị Ngựa đá (CH4).
	200	KC: Bác sĩ Sói	Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết phân vai để dựng lại câu chuyện (BT2).
	201	CT Tập chép: Bác sĩ Sói	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn tóm tắt bài Bác sĩ Sói. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT(3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	202	TD: Nội qui Đảo Khí	- Biết nghỉ hơi đúng chỗ; đọc rõ ràng, rành mạch được từng điều trong bản nội qui. - Hiểu và có ý thức tuân theo nội qui (trả lời được các câu hỏi 1, 2).	HS khá, giỏi trả lời được CH3.
	203	LT&C: Từ ngữ về muông thú. Đặt và trả lời câu hỏi Như thế nào?	- Xếp được tên một số con vật theo nhóm thích hợp (BT1). - Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ như thế nào? (BT2, BT3).	Không.
	204	TV: Chữ hoa T	Viết đúng chữ hoa T (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Thăng (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Thăng như ruột ngựa (3 lần).	Không.

	205	CT Nghe-viết: Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn tóm tắt bài Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	206	TLV: Đáp lời khẳng định. Viết nội qui	- Biết đáp lời phù hợp với tình huống giao tiếp cho trước (BT1, BT2). - Đọc và chép lại được 2, 3 điều trong nội qui của trường (BT3).	Không.
	207	Không.	Không.	Không.
	<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>			
TUẦN:	24	<i>Từ 22/02 đến 26/02</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	208	TĐ: Quả tim khi	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng, đọc rõ lời nhân vật trong câu chuyện.- Hiểu ND: Khi kết bạn với cá Sấu, bị Cá Sấu lừa nhưng Khi đã khôn khéo thoát nạn. Những kẻ bội bạc như cá Sấu không bao giờ có bạn (trả lời được CH1, 2, 3, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH4.
	209	KC: Quả tim khi	Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết phân vai để dựng lại câu chuyện (BT2).
	210	CT Nghe-viết: Quả tim khi	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi có lời nhân vật. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT(3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	211	TĐ: Voi nhà	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng, đọc rõ lời nhân vật trong bài. - Hiểu ND: Voi rừng được nuôi dạy thành voi nhà, làm nhiều việc có ích cho con người (trả lời được các CH trong SGK).	Không.

	212	LT&C: Từ ngữ về loài thú. Đấu chấm, dấu phẩy	- Nắm được một số từ ngữ chỉ tên, đặc điểm của các loài vật (BT1, BT2). - Biết đặt dấu phẩy, dấu chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn (BT3).	Không.
	213	TV: Chữ hoa U, Ư	Viết đúng 2 chữ hoa U, Ư (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ-U hoặc Ư); chữ và câu ứng dụng: Ươm (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Ươm cây gây rừng (3 lần).	Không.
	214	CT Nghe-viết: Voi nhà	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi có lời nhân vật. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	215	TLV: Đáp lời phủ định. Nghe, trả lời câu hỏi	- Biết đáp lời phủ định trong tình huống giao tiếp đơn giản (BT1, BT2). - Nghe kể, trả lời đúng câu hỏi về mẩu chuyện vui (BT3).	Không.
	216	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	25	Từ 01/3 đến 05/3		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	217	TĐ: Sơn Tinh, Thủy Tinh	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng, đọc rõ lời nhân vật trong câu chuyện.- Hiểu ND: Truyện giải thích nạn lũ lụt ở nước ta là do Thủy Tinh ghen tức Sơn Tinh gây ra đồng thời phản ánh việc nhân dân đắp đê chống lụt (trả lời được CH1, 2, 4).	HS khá, giỏi trả lời được CH3.
	218	KC: Sơn Tinh, Thủy Tinh	Xếp đúng thứ tự các tranh theo nội dung câu chuyện (BT1); dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn câu chuyện (BT2).	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT3).

	219	CT Tập chép: Sơn Tinh, Thủy Tinh	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT(3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	220	TD: Bé nhìn biển	- Bước đầu biết đọc rành mạch, thể hiện giọng vui tươi, hồn nhiên. - Hiểu bài thơ: Bé rất yêu biển, bé thấy biển to, rộng mà ngộ nghĩnh như trẻ con (trả lời được các CH trong SGK; thuộc 3 khổ thơ đầu).	Không.
	221	LT&C: Từ ngữ về sông biển. Đặt và trả lời câu hỏi Vì sao?	- Nắm được một số từ ngữ về sông biển (BT1, BT2). - Bước đầu biết đặt và trả lời câu hỏi Vì sao? (BT3, BT4).	Không.
	222	TV: Chữ hoa V	Viết đúng chữ hoa V (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Vượt (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Vượt suối băng rừng (3 lần).	Không.
	223	CT Nghe-viết: Bé nhìn biển	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng 3 khổ thơ 5 chữ. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT(3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	224	TLV: Đáp lời đồng ý. Quan sát tranh, trả lời câu hỏi	- Biết đáp lời đồng ý trong tình huống giao tiếp thông thường (BT1, BT2). - Quan sát tranh về cảnh biển, trả lời đúng được các câu hỏi về cảnh trong tranh (BT3).	Không.
	225	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	26	Từ 08/3 đến 12/3		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú

HAI	226	TĐ: Tôm Càng và Cá Con	- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu và cụm từ rõ ý; bước đầu biết đọc trôi chảy được toàn bài.- Hiểu ND: Cá Con và Tôm Càng đều có tài riêng. Tôm cứu được bạn qua khỏi nguy hiểm. Tình bạn của họ vì vậy càng khăng khít (trả lời được CH1, 2, 3, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH4 (hoặc CH: Tôm Càng làm gì để cứu Cá Con?)
	227	KC: Tôm Càng và Cá Con	Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết phân vai để dựng lại câu chuyện (BT2).
	228	CT Tập chép: Vì sao cá không biết nói?	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức mẫu chuyện vui. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	229	TĐ: Sông Hương	- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu và cụm từ; bước đầu biết đọc trôi chảy được toàn bài. - Hiểu ND: Vẻ đẹp thơ mộng, luôn biến đổi sắc màu của dòng sông Hương (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
	230	LT&C: Từ ngữ về sông biển. Đấu phẩy	- Nhận biết được một số loài cá nước mặn, nước ngọt (BT1); kể tên được một số con vật sống dưới nước (BT2). - Biết đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong câu còn thiếu dấu phẩy (BT3).	Không.
	231	TV: Chữ hoa X	Viết đúng chữ hoa X (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Xuôi (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Xuôi chèo mát mái (3 lần).	Không.
	232	CT Nghe-viết: Sông Hương	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	233	TLV: Đáp lời đồng ý. Tả ngắn về biển	- Biết đáp lại lời đồng ý trong một số tình huống giao tiếp đơn giản cho trước (BT1). - Viết được những câu trả lời về cảnh biển (đã nói ở tiết tập làm văn tuần trước-BT2).	Không.
	234	Không.	Không.	Không.

<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	27	<i>Từ 15/3 đến 19/3</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	235	Ôn tập và kiểm tra giữa HKII Tiết 1	- Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26 (phát âm rõ, tốc độ đọc khoảng 45 tiếng/phút); hiểu nội dung của đoạn, bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).- Biết đặt và trả lời câu hỏi với khi nào? (BT2, BT3); biết đáp lời cảm ơn trong tình huống giao tiếp cụ thể (1 trong 3 tình huống ở BT4).	HS khá, giỏi biết đọc lưu loát được đoạn, bài; tốc độ đọc trên 45 tiếng/phút.
	236	Tiết 2	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nắm được một số từ ngữ về bốn mùa (BT2); biết đặt dấu chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn ngắn (BT3).	Không.
	237	Tiết 3	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết cách đặt và trả lời câu hỏi với ở đâu? (BT2, BT3); biết đáp lời xin lỗi trong tình huống giao tiếp cụ thể (1 trong 3 tình huống ở BT4).	Không.
	238	Tiết 4	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nắm được một số từ ngữ về chim chóc (BT2); viết được một đoạn văn ngắn về một loài chim hoặc gia cầm (BT3).	Không.
	239	Tiết 5	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết cách đặt và trả lời câu hỏi với như thế nào? (BT2, BT3); biết đáp lời khẳng định, phủ định trong tình huống cụ thể (1 trong 3 tình huống ở BT4).	Không.
	240	Tiết 6	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Nắm được một số từ ngữ về muông thú (BT2); kể ngắn được về con vật mình biết (BT3).	Không.
	241	Tiết 7	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết cách đặt và trả lời câu hỏi với Vì sao? (BT2, BT3); biết đáp lời đồng ý người khác trong tình huống giao tiếp cụ thể (1 trong 3 tình huống ở BT4).	Không.

	242	Tiết 8 (Kiểm tra)	Kiểm tra (Đọc) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKII (nêu ở Tiết 1).	Không.
	243	Tiết 9 (Kiểm tra)	Kiểm tra (Viết) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKII: - Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 45 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày sạch sẽ, đúng hình thức thơ (hoặc văn xuôi). - Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 4, 5 câu) theo câu hỏi gợi ý nói về một con vật yêu thích.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	28	Từ 22/3 đến 26/3		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	244	TĐ: Kho báu	- Đọc rành mạch toàn bài; ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu và cụm từ rõ ý.- Hiểu ND: Ai yêu quý đất đai, chăm chỉ lao động trên ruộng đồng, người đó có cuộc sống ấm no, hạnh phúc (trả lời được các CH 1, 2, 3, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH4.
	245	KC: Kho báu	Dựa vào gợi ý cho trước, kể lại được từng đoạn của câu chuyện (BT1).	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT2).
	246	CT Nghe-viết: Kho báu	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi. - Làm được BT2; BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	247	TĐ: Cây dừa	- Biết ngắt nhịp thơ hợp lí khi đọc các câu thơ lục bát. - Hiểu ND: Cây dừa giống như con người, biết gắn bó với đất trời, với thiên nhiên (trả lời được các CH1, CH2; thuộc 8 dòng thơ đầu).	HS khá, giỏi trả lời được CH3.
	248	LT&C: Từ ngữ về cây cối. Đặt và trả lời câu hỏi: Để làm gì? Dấu chấm, dấu phẩy	- Nêu được một số từ ngữ về cây cối (BT1). - Biết đặt và trả lời câu hỏi với cụm từ để làm gì? (BT2); điền đúng dấu chấm, dấu phẩy vào đoạn văn có chỗ trống (BT3).	Không.

	249	TV: Chữ hoa Y	Viết đúng chữ hoa Y (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Yêu (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Yêu lũy tre làng (3 lần).	Không.
	250	CT Nghe-viết: Cây dừa	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng các câu thơ lục bát. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn; viết đúng tên riêng Việt Nam trong BT3.	Không.
	251	TLV: Đáp lời chia vui. Tả ngắn về cây cối	- Biết đáp lại lời chia vui trong tình huống giao tiếp cụ thể (BT1). - Đọc và trả lời được các câu hỏi về bài miêu tả ngắn (BT2); viết được các câu trả lời cho một phần BT2 (BT3).	Không.
	252	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	29	Từ 29/3 đến 02/4		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	253	TD: Những quả đào	- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; bước đầu đọc phân biệt được lời kể chuyện và lời nhân vật.- Hiểu ND: Nhờ quả đào, ông biết tính nết các cháu. Ông khen ngợi các cháu biết nhường nhịn quả đào cho bạn khi bạn ốm (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
	254	KC: Những quả đào	- Bước đầu biết tóm tắt nội dung mỗi đoạn truyện bằng 1 cụm từ hoặc 1 câu (BT1). - Kể lại được từng đoạn câu chuyện dựa vào lời tóm tắt (BT2).	HS khá, giỏi biết phân vai để dựng lại câu chuyện (BT3).
	255	CT tập chép: Những quả đào	- Chép chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức bài văn ngắn. - Làm được BT(2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	256	TD: Cây đa quê hương	- Đọc rành mạch toàn bài; biết ngắt, nghỉ hơi đúng sau các dấu câu và cụm từ. - Hiểu ND: Tả vẻ đẹp của cây đa quê hương, thể hiện tình cảm của tác giả với quê hương (trả lời được c CH 1, 2, 4).	HS khá, giỏi trả lời được CH3.

	257	LT&C: Từ ngữ về cây cối. Câu hỏi Để làm gì?	- Nêu được một số từ ngữ chỉ cây cối (BT1, BT2). - Dựa theo tranh, biết đặt và trả lời câu hỏi với cụm từ để làm gì? (BT3).	Không.
	258	TV: Chữ hoa A (kiểu 2)	Viết đúng chữ hoa A-kiểu 2 (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Ao (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Ao liền ruộng cả (3 lần).	Không.
	259	CT Nghe-viết: Hoa phượng	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng hình thức bài thơ 5 chữ. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	260	TLV: Đáp lời chia vui. Nghe-trả lời câu hỏi	- Biết đáp lại lời chia vui trong tình huống giao tiếp cụ thể (BT1). - Nghe GV kể, trả lời được câu hỏi về nội dung câu chuyện Sự tích hoa dạ lan hương (BT2).	Không.
	261	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	30	<i>Từ 05/4 đến 09/4</i>		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	262	TD: Ai ngoan sẽ được thưởng	- Ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu và cụm từ rõ ý; biết đọc rõ lời nhân vật trong câu chuyện.- Hiểu ND: Bác Hồ rất yêu thiếu nhi. Thiếu nhi phải thật thà, xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ (trả lời được CH1, 3, 4, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH2.
	263	KC: Ai ngoan sẽ được thưởng	Dựa theo tranh kể lại được từng đoạn câu chuyện.	HS khá, giỏi biết kể lại cả câu chuyện (BT2); kể lại được đoạn cuối theo lời của bạn Tô (BT3).

	264	CT Nghe-viết: Ai ngoan sẽ được thưởng	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	265	TĐ: Cháu nhớ Bác Hồ	- Biết ngắt nhịp thơ hợp lí; bước đầu biết đọc với giọng nhẹ nhàng, tình cảm. - Hiểu được ND: Tình cảm đẹp đẽ của thiếu nhi Việt Nam đối với Bác Hồ kính yêu (trả lời được CH 1, 3, 4; thuộc 6 dòng thơ cuối).	HS khá, giỏi thuộc được cả bài thơ; trả lời được CH2.
	266	LT&C: Từ ngữ về Bác Hồ	- Nêu được một số từ ngữ nói về tình cảm của Bác Hồ dành cho thiếu nhi và tình cảm của các cháu thiếu nhi đối với Bác (BT1); biết đặt câu với từ tìm được ở BT1 (BT2). - Ghi lại được hoạt động vẽ trong tranh bằng một câu ngắn (BT3).	Không.
	267	TV: Chữ hoa M (kiểu 2)	Viết đúng chữ hoa M-kiểu 2 (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Mắt (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Mắt sáng như sao (3 lần).	Không.
	268	CT Nghe-viết: Cháu nhớ Bác Hồ	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng các câu thơ lục bát. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	269	TLV: Nghe-trả lời câu hỏi	Nghe kể và trả lời được câu hỏi về nội dung câu chuyện Qua suối (BT1); viết được câu trả lời cho câu hỏi ở BT1 (BT2).	Không.
	270	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	31	Từ 12/4 đến 16/4		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	271	TĐ: Chiếc rễ đa tròn	- Biết nghỉ hơi đúng sau các dấu câu và cụm từ rõ ý; đọc rõ lời nhân vật trong bài.- Hiểu ND: Bác Hồ có tình thương bao la đối với mọi người, mọi vật (trả lời được các CH1, 2, 3, 4).	HS khá, giỏi trả lời được CH5.

272	KC: Chiếc rế đa tròn	Sắp xếp đúng trật tự các tranh theo nội dung câu chuyện và kể lại được từng đoạn của câu chuyện (BT1, BT2).	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT3).
273	CT Nghe-viết: Việt Nam có Bác	- Nghe-viết đúng bài CT, trình bày đúng bài thơ lục bát Việt Nam có Bác. - Làm được BT (2) hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
274	TD: Cây và hoa bên lăng Bác	- Đọc rành mạch toàn bài; biết ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu văn dài. - Hiểu ND: Cây và hoa đẹp nhất khắp miền đất nước tụ hội bên lăng Bác, thể hiện lòng tôn kính của toàn dân với Bác (trả lời được các CH trong SGK).	Không.
275	LT&C: Từ ngữ về Bác Hồ. Dấu chấm, dấu phẩy	- Chọn được từ ngữ cho trước để điền đúng vào đoạn văn (BT1); tìm được một vài từ ngữ ca ngợi Bác Hồ (BT2). - Điền đúng dấu chấm, dấu phẩy vào đoạn văn có chỗ trống (BT3).	Không.
276	TV: Chữ hoa N (kiểu 2)	Viết đúng chữ hoa N-kiểu 2 (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Người (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Người ta là hoa đất (3 lần).	Không.
277	CT Nghe-viết: Cây và hoa bên lăng Bác	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn văn xuôi. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
278	TLV: Đáp lời khen ngợi. Tả ngắn về Bác Hồ	- Đáp lại được lời khen ngợi theo tình huống cho trước (BT1); quan sát ảnh Bác Hồ, trả lời được các câu hỏi về ảnh Bác Hồ. - Viết được một vài câu ngắn về ảnh Bác Hồ (BT3).	Không.
279	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>			
TUẦN:	32	Từ 19/4 đến 26/4 (nghỉ giỗ Tổ Hùng Vương: 10/3 âm lịch)	

LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	280	TĐ: Chuyện quả bầu	- Đọc mạch lạc toàn bài; biết ngắt nghỉ hơi đúng.- Hiểu ND: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam là anh em một nhà, mọi dân tộc có chung một tổ tiên (trả lời được CH 1, 2, 3, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH4.
	281	KC: Chuyện quả bầu	Dựa theo tranh, theo gợi ý, kể lại được từng đoạn của câu chuyện (BT1, BT2).	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện theo mô đầu cho trước (BT3).
	282	CT Nghe-viết: Chuyện quả bầu	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng bài tóm tắt Chuyện quả bầu; viết hoa đúng tên riêng Việt Nam trong bài CT. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	283	TĐ: Tiếng chổi tre	- Biết nghỉ hơi đúng khi đọc các câu thơ theo thể tự do. - Hiểu ND: Chì lao công lao động vất vả để giữ cho đường phố luôn sạch đẹp (trả lời các CH trong SGK; thuộc 2 khổ thơ cuối bài thơ).	Không.
	284	LT&C: Từ trái nghĩa. Dấu chấm, dấu phẩy	- Biết xếp các từ có nghĩa trái ngược nhau (từ trái nghĩa) theo từng cặp (BT1). - Điền đúng dấu chấm, dấu phẩy vào đoạn văn có chỗ trống (BT2).	Không.
	285	TV: Chữ hoa Q (kiểu 2)	Viết đúng chữ hoa Q-kiểu 2 (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Quân (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Quân dân một lòng (3 lần).	Không.
	286	CT Nghe-viết: Tiếng chổi tre	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng hai khổ thơ theo hình thức thơ tự do. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	287	TLV: Đáp lời từ chối. Đọc sổ liên lạc	Biết đáp lời từ chối của người khác với thái độ lịch sự, nhã nhặn (BT1, BT2); biết đọc và nói lại nội dung 1 trang sổ liên lạc (BT3).	Không.

	288	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	33	Từ 27/4 đến 05/5 (nghỉ ngày 30/4 và nghỉ bù ngày 01/5)		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	289	TD: Bóp nát quả cam	- Đọc rành mạch toàn bài; biết đọc rõ lời nhân vật trong câu chuyện.- Hiểu ND: Truyện ca ngợi người thiếu niên anh hùng Trần Quốc Toản tuổi nhỏ, chí lớn, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc (trả lời được các CH 1, 2, 4, 5).	HS khá, giỏi trả lời được CH4.
	290	KC: Bóp nát quả cam	Sắp xếp đúng thứ tự các tranh và kể lại được từng đoạn của câu chuyện (BT1, BT2).	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT3).
	291	CT Nghe-viết: Bóp nát quả cam	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn tóm tắt truyện Bóp nát quả cam. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	292	TD: Lượm	- Đọc đúng các câu thơ 4 chữ, biết nghỉ hơi sau mỗi khổ thơ. - Hiểu ND: bài thơ ca ngợi chú bé liên lạc đáng yêu và dũng cảm (trả lời được các CH trong SGK; thuộc ít nhất 2 khổ thơ đầu).	Không.
	293	LT&C: Từ ngữ chỉ nghề nghiệp	- Nắm được một số từ ngữ chỉ nghề nghiệp (BT1, BT2); nhận biết được những từ ngữ nói lên phẩm chất của nhân dân Việt Nam (BT3). - Đặt được một câu ngắn với một từ tìm được trong BT3 (BT4).	Không.
	294	TV: Chữ hoa V (kiểu 2)	Viết đúng chữ hoa V-kiểu 2 (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ); chữ và câu ứng dụng: Việt (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), Việt Nam thân yêu (3 lần).	Không.

	295	CT Nghe-viết: Lượm	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng 2 khổ thơ theo thể 4 chữ. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	296	TLV: Đáp lời an ủi. Kể chuyện được chứng kiến	- Biết đáp lại lời an ủi trong tình huống giao tiếp đơn giản (BT1, BT2). - Viết được một đoạn văn ngắn kể về một việc tốt của em hoặc của bạn em (BT3).	Không.
	297	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	34	Từ 06/5 đến 12/5		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	298	TD: Người làm đồ chơi	- Đọc rành mạch toàn bài; ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.- Hiểu ND: Tấm lòng nhân hậu, tình cảm quý trọng của bạn nhỏ đối với bác hàng xóm làm nghề nặn đồ chơi (trả lời được các CH 1, 2, 3, 4).	HS khá, giỏi trả lời được CH5.
	299	KC: Người làm đồ chơi	Dựa vào nội dung tóm tắt kể được từng đoạn của câu chuyện.	HS khá, giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (BT2).
	300	CT Nghe-viết: Người làm đồ chơi	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn tóm tắt truyện Người làm đồ chơi. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	301	TD: Đàn bê của anh Hồ Giáo	- Đọc rành mạch toàn bài; biết ngắt nghỉ hơi sau các dấu câu, giữa các cụm từ rõ ý. - Hiểu ND: Hình ảnh rất đẹp, rất đáng kính trọng của Anh hùng Lao động Hồ Giáo (trả lời được CH 1, 2).	HS khá, giỏi trả lời được CH3.
	302	LT&C: Từ trái nghĩa. Từ chỉ nghề nghiệp	- Dựa vào bài Đàn bê của anh Hồ Giáo, tìm được từ ngữ trái nghĩa điền vào chỗ trống trong bảng (BT1); nêu được từ trái nghĩa với từ cho trước (BT2). - Nêu được ý thích hợp về công việc (cột B) phù hợp với từ chỉ nghề nghiệp (cột A)-BT3.	Không.

	303	TV: Ôn các chữ hoa A, M, N, Q, V (kiểu 2)	Viết đúng các chữ hoa A, M, N, Q, V (mỗi chữ 1 dòng); viết đúng các tên riêng có chữ hoa kiểu 2: Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh (mỗi tên riêng 1 dòng).	Không.
	304	CT Nghe-viết: Đàn bê của anh Hồ Giáo	- Nghe-viết chính xác bài CT, trình bày đúng đoạn tóm tắt bài Đàn bê của anh HỒ Giáo. - Làm được BT (2) a/b hoặc BT (3) a/b hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.	Không.
	305	TLV: Kể ngắn về người thân	- Dựa vào các câu hỏi gợi ý kể được một vài nét về nghề nghiệp của người thân (BT1). - Biết viết lại những điều đã kể thành một đoạn văn ngắn (BT2).	Không.
	306	Không.	Không.	Không.
<i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i>				
TUẦN:	35	Từ 13/5 đến 19/5		
LỚP	TT bài	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HAI	307	Ôn tập và kiểm tra cuối HKII Tiết 1	- Đọc rõ ràng, rành mạch các bài ĐĐ đã học từ tuần 28 đến tuần 34 (phát âm rõ, tốc độ đọc 50 tiếng/phút); hiểu ý chính của đoạn, nội dung của bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc).- Biết thay thế cụm từ khi nào bằng các cụm bao giờ, lúc nào, mấy giờ trong các câu ở BT2; ngắt đoạn văn cho trước thành 5 câu rõ ý (BT3).	HS khá, giỏi đọc tương đối lưu loát các bài ĐĐ từ tuần 28 đến tuần 34 (tốc độ đọc trên 50 tiếng/phút).
	308	Tiết 2	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Tìm được vài từ chỉ màu sắc trong đoạn thơ, đặt được câu với 1 từ chỉ màu sắc tìm được (BT2, BT3). - Đặt được câu hỏi có cụm từ khi nào (2 trong số 4 câu ở BT4).	HS khá, giỏi tìm đúng và đủ các từ chỉ màu sắc (BT3); thực hiện được đầy đủ BT4.
	309	Tiết 3	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ ở đâu (2 trong số 4 câu ở BT4); đặt đúng dấu chấm hỏi, dấu phẩy vào chỗ trống trong đoạn văn (BT3).	HS khá, giỏi thực hiện được đầy đủ BT2.
	310	Tiết 4	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết đáp lời chúc mừng theo tình huống cho trước (BT2); biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ vì sao (BT3).	Không.

311	Tiết 5	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết đáp lời khen ngợi theo tình huống cho trước (BT2); biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ vì sao (BT3).	Không.
312	Tiết 6	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết đáp lời từ chối theo tình huống cho trước (BT2); tìm được bộ phận trong câu trả lời cho câu hỏi Để làm gì? (BT3); điền đúng dấu chấm than, dấu phẩy vào chỗ trống trong đoạn văn (BT4).	Không.
313	Tiết 7	- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết đáp lời an ủi theo tình huống cho trước (BT2); dựa vào tranh kể lại được câu chuyện đúng ý và đặt tên cho câu chuyện vừa kể (BT3).	Không.
314	Tiết 8 (Kiểm tra)	Kiểm tra (Đọc) theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn tiếng Việt lớp 2, HKII (Bộ Giáo dục và Đào tạo-Đề kiểm tra học kì cấp Tiểu học, Lớp 2, NXB Giáo dục, 2008).	Không.
315	Tiết 9 (Kiểm tra)	Kiểm tra (Viết) theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn tiếng Việt lớp 2, HKII (Bộ Giáo dục và Đào tạo-Đề kiểm tra học kì cấp Tiểu học, Lớp 2, NXB Giáo dục, 2008).	Không.
<p><i>Ghi chú: Mỗi tuần tối đa có 9 bài, được đánh số thứ tự bài liên tục. Mỗi bài bao gồm các phân môn tập đọc, tập viết, chính tả,...kể cả kiểm tra.</i></p>			

HẾT